

Bản án số: 140/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 6 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lương Đức và ông Vũ Minh Đoàn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXX - ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1994.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Thần Q, xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Quốc D, sinh năm 1993.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Thần Q, xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Chị với anh Trịnh Quốc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn Thần Q, xã Minh T. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi vã nhau. Vì thương con còn nhỏ, chị cố gắng tiếp tục ở lại gia đình anh Dương mong hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không những không hoà giải được mà ngày càng trầm trọng nên tháng 11 năm 2022 vợ chồng chị ly thân nhau đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Quốc A, sinh ngày 10/11/2019 và Trịnh Quang M, sinh ngày 19/4/2022; ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Minh, để anh D nuôi dưỡng cháu Anh và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn anh Trịnh Quốc D:

Anh kết hôn với chị Trần Thị S từ tháng 4 năm 2019 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh T, huyện Phú Xuyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn Thần Q, xã Minh T. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hoà hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự quan tâm chia sẻ. Cho đến tháng 11 năm 2022 chị Sâm bỏ về nhà bố mẹ để để lại hai con nhỏ cho anh chăm sóc.

Nay chị Sâm xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Quốc A, sinh ngày 10/11/2019 và Trịnh Quang M, sinh ngày 19/4/2022; kể từ khi vợ chồng ly thân anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nên ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Các đương sự đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; và đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Trịnh Quốc D; giao chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trịnh Quang M, sinh ngày 19/4/2022, giao anh Trịnh Quốc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trịnh Quốc A, sinh ngày 10/11/2019; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; tài sản chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên đều khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Thần Quy, xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên nên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị S và anh Trịnh Quốc D là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh T, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 46 ngày 24/4/2019). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm kể từ năm 2020 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống, từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ 11 năm 2022 khiến cả hai sống ly thân, chấm dứt mối quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh D đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa; quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, trước yêu cầu ly hôn của chị S, phía anh D vẫn giữ quan điểm đồng ý ly hôn chị S... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị S về ly hôn anh D là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị S được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị S và anh D có hai con chung là Trịnh Quốc A, sinh ngày 10/11/2019 và Trịnh Quang M, sinh ngày 19/4/2022 hiện đang ở cùng anh D. Chị S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, để anh D nuôi dưỡng cháu A; còn phía anh D yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cả chị S và anh D đều có công việc, thu nhập ổn định, không thuộc trường hợp hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên và đều đảm bảo về điều kiện nuôi con theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do con chung Trịnh Quang M, sinh ngày 19/4/2022 (đến thời điểm xét xử mới được 14 tháng tuổi) cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; giao chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trịnh Quang M, sinh ngày 19/4/2022; giao anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trịnh Quốc A, sinh ngày 10/11/2019 là hợp lý và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị S, anh D do các bên đều không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn chị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị S và bị đơn anh D có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Trịnh Quốc D.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trịnh Quang M, sinh ngày 19/4/2022; giao anh Trịnh Quốc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trịnh Quốc A, sinh ngày 10/11/2019.

Tạm hoãn cho chị Trần Thị S, anh Trịnh Quốc D việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị S anh Trịnh Quốc D đều có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0048100 ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị Trần Thị S đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA